

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2023/HC-PT

Ngày: 05/01/2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Lê Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 167/2022/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2022/HC-ST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 458/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Bà H Niê Kđăm. Sinh năm 1966. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Văng.

- Bà M Niê. Sinh năm 1956. Văng.

- Ông Đ Byă; sinh 1997. Văng.

Cùng địa chỉ: Buôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà L Byă, sinh 1963. Địa chỉ: Đắk Lắk. Văng.

- Ông K Mlô (Đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông K Mlô là bà I Ayũn, sinh năm 1978; Địa chỉ: Buôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H Niê Kđăm, bà M Niê, ông Đ Byă, bà L Byă, bà I Ayũn: Ông Lê Xuân Anh P; Địa chỉ: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà B Niê, sinh năm 1943. Địa chỉ: Buôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

- Ông C Ayun, sinh năm 1957; Địa chỉ: Buôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

- Bà HB Niê. (Đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của bà HB Niê: Ông B Kmăn và chị E Niê; Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H Niê Kđăm, bà M Niê, ông Đ Byă, bà L Byă, bà I Ayũn, bà B Niê, ông C Ayun, ông B Kmăn: Ông Đặng Xuân Q; Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Võ Đình ĐLuật sư – Văn phòng luật sư D có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Bà YKđoh – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Trần Đình N– Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk; Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn D– Chức vụ: Phó phòng nhân sự - pháp chế. Địa chỉ: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Nông trường Cao su C- Chi nhánh Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Quang T– Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Km20, tỉnh lộ 8, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn M; Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

- Ông Đinh Công H; Địa chỉ: huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Những người khởi kiện gồm bà H Niê Kđăm, bà M Niê, ông Đ Byă, bà L Byă, bà B Niê, ông C Ayun, ông K Mlô (đã chết), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K Mlô là bà I Ayũn, bà H' Ben Niê (đã chết), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H' Ben Niê là ông B Kmăn và chị E Niê trình bày:*

Vào năm 2018 những người khởi kiện trên cùng 10 hộ dân ở Buôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk đã khiếu nại UBND tỉnh Đắk Lắk, yêu cầu UBND tỉnh Đắk Lắk xem xét trả lại diện tích 17.752.447 m² đất cao su tại Buôn B, xã E, huyện C và công nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân. Vì 18 hộ dân cho rằng vào năm 1989, thấy mô hình liên kết trồng cây cao su theo hình thức người dân có đất, Nông trường Nhà nước bỏ vốn đầu tư ban đầu đến thời kỳ thu hoạch thì người dân trả vốn dần từng năm là khả thi. Nên Bà H Niê Kđăm cùng 17 hộ gia đình có đất canh tác tại Buôn B, xã E, huyện C thống nhất ủy quyền cho ông YB Mlô ở Buôn D làm đại diện ký kết hợp đồng vay vốn liên kết với nông trường cao su C. Diện tích đất đăng ký vay vốn trồng cao su liên kết là 75 ha – trong đó có chung phần diện tích đất do Nông trường cao su C khai hoang là 57,6 ha. Còn lại là đất rẫy, của 18 hộ dân khai hoang làm rẫy trước đây, để đăng ký liên kết với diện tích là 17,4 ha. Trong đó những người khởi kiện cho là diện tích đất của họ bị chồng lấn nằm trong diện tích đất mà UBND tỉnh Đắk Lắk cấp QSD đất cho Nông trường cao su C cụ thể: Bà H Niê Kđăm cho rằng có diện tích bị chồng lấn là 04 ha; Bà M Niê cho rằng có diện tích bị chồng lấn là 02 ha; Ông Đ Byă cho rằng có diện tích đất bị chồng lấn là 02 ha; Bà L Byă cho rằng có diện tích đất bị chồng lấn là 04 ha; Bà B Niê cho rằng có diện tích đất bị chồng lấn là 01 ha; Ông C Ayun cho rằng có diện tích đất bị chồng lấn là 03 ha và ông K Mlô (đã chết), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K Mlô là bà I Ayũn cho rằng có diện tích đất bị chồng lấn là 02 ha. Tất cả diện tích đất bị cho là chồng lấn trên đều tại Buôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Đến ngày 21/10/2018, UBND tỉnh Đắk Lắk kết luận không chấp nhận toàn bộ nội dung khiếu nại trên của 18 hộ dân. Không đồng ý với kết luận trả lời khiếu nại ngày 02/8/2019 những người khởi kiện trên yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Tuyên hủy một phần Quyết định 2782/QĐ ngày 21/10/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 cho Nông Trường Cao su C thuê 17.752.447 m² tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 28/01/2021 và ngày 28/4/2021 bà E Niê, ông B Kmăn là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H Ben Niê có đơn rút yêu cầu khởi kiện.

** Người bị kiện, UBND tỉnh Đắk Lắk trình bày:*

Diện tích đất hiện nay bà H Niê Kđăm và 07 hộ dân trú tại Buôn B, xã E, huyện C khởi kiện thuộc một phần thửa đất số 12, tờ bản đồ số 17, diện tích

278.738 m² tại xã E, huyện C nằm trong tổng diện tích 17.752.447 m² đã được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho Nông trường Cao su C tại Quyết định số 2782/QĐ ngày 21/10/2008.

Trước đó ngày 18/8/1986, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 918/UB-QĐ-NN về việc giao cho Liên hiệp các xí nghiệp (LHCXN) Cao Su Đắk Lắk (Nay là Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk), chịu trách nhiệm tổ chức trồng 10.000 ha cao su theo hợp đồng nguyên tắc đã được ký kết giữa tổng cục cao su với UBND tỉnh Đắk Lắk. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Đắk Lắk, LHCXN Cao Su Đắk Lắk đã ký hợp đồng với xí nghiệp thi công cơ giới nông nghiệp khai phục hoang 430 ha đất tại Nông trường cao su 1-5 (Nay là Nông trường Cao su C).

Ngày 21/10/2008, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2782/QĐ-UBND về việc cho nông trường cao su C thuê 17.752.447 m² đất để sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm (Cây cao su); Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434862 và AH 434861 cho Nông trường cao su C đối với diện tích đất nêu trên. Những người khởi kiện cho rằng UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường cao su C theo Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/10/2008, có một phần diện tích đất các hộ đã đưa vào liên kết trồng cao su với Công ty cao su Đắk Lắk theo danh sách các hộ dân có đất rẫy xin trồng cao su tại buôn B, xã E do ông YB Mlô lập ngày 03/9/1989, được UBND xã C xác nhận ngày 09/9/1989. Tuy nhiên theo kết quả giám định của phòng Kỹ Thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk tại kết luận số 18/PC54 ngày 01/6/2017 và Công văn số 2053/PC64 (Đ3) ngày 20/10/2017 cho thấy “Danh sách các hộ dân có đất rẫy xin trồng cao su tại buôn B, xã E, huyện C xác nhận ngày 09/9/1989 nhưng lại sử dụng mẫu dấu của UBND xã C từ ngày 06/9/1995 trở về sau. Do đó danh sách này là không đúng thực tế.

Căn cứ nguồn gốc, diễn biến quá trình sử dụng đất và các quy định của pháp luật đất đai hiện hành cho thấy, việc UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/10/2008, về việc cho Nông trường cao su C thuê 17.752.447 m² đất để trồng cây lâu năm và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nông trường cao su C đối với diện tích đất nêu trên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Vì vậy nội dung khởi kiện của bà H Niê Kđăm và các hộ dân khởi kiện đề nghị hủy một phần Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk là không có cơ sở.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk trình bày:

Để thực hiện chủ trương của UBND tỉnh, ngày 23/11/1989 LHCXNCS Đắk Lắk và xí nghiệp thi công cơ giới Nông nghiệp ký hợp đồng số:

54/TTCGNN để khai phục hoang 430 ha đất tại Nông trường Cao su 1/5. Trên cơ sở rà soát toàn bộ diện tích đất mà nông trường khai hoang, ngày 21/10/2008 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2782/QĐ-UBND cho Nông trường cao su C thuê 17.752.447 m² đất sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm và cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 Thay cho Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R596465. Việc các hộ dân yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 cho Nông trường Cao su C thuê 17.752.447 m², do cấp chồng lên diện tích của các hộ dân góp đất cho ông YB Mlô để liên kết trồng cao su với nông trường cao su 1/5 là không có cơ sở. Do đó Công ty cổ phần Cao Su Đắk Lắk đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của các hộ dân; giữ nguyên Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cho Nông trường Cao su C thuê 17.752.447 m² và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 cho Nông trường Cao su C, tỉnh Đắk Lắk.

- Nông trường Cao su C - Chi nhánh Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk trình bày:

Thực hiện quyết định số 918/UB-QĐ-NN ngày 18/8/1986 của UBND tỉnh Đắk Lắk “V/v giao cho LHCXN Cao su Đắk Lắk chịu trách nhiệm tổ chức trồng 10.000 ha cao su. LHCXN Cao su Đắk Lắk đã ký hợp đồng với xí nghiệp thi công cơ giới Nông nghiệp để khai phục hoang 430 ha đất tại Nông trường cao su 1/5 (Nay là Chi nhánh Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk – Nông trường cao su C).

Vào tháng 09/1989 ông YB Mlô, ông Y Rai, ông Y Giao là những người đại diện làm đơn xin 100 ha đất để trồng cao su. Ngày 20/3/1990 LHCXN Cao su Đắk Lắk ban hành Quyết định số 01/90-QĐLH về việc giao 100.7 ha đất đã khai hoang năm 1990 thuộc lô 1, 4, 5, 13, 14 của Nông trường cao su 1/5 cho ông YB Mlô để trồng liên kết cao su, nằm trong diện tích 430 ha mà LHCXN Cao su đã khai hoang từ năm 1990.

Ngày 16/12/1989 LHCXN Cao su đã ký hợp đồng kinh tế dài hạn số 105/12/HĐ-KT về trồng mới và chăm sóc cao su thiên nhiên với ông YB Mlô. Quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng chỉ thể hiện ký với ông YB Mlô, không ký với các ông bà có đơn khởi kiện. Được biết trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông YB Mlô không thực hiện được nên đã trả bớt một phần diện tích cho Công ty và chỉ giữ lại 46,1 ha. Do đó ngày 01/7/1992 LHCXN Cao su Đắk Lắk đã ký lại hợp đồng kinh tế số 105/92/HĐ-ĐTVV về vay vốn dài hạn trồng mới và chăm sóc cao su thiên nhiên với hộ ông YB Mlô diện tích 46,1 ha

Năm 1995, xét thấy điều kiện chăm sóc vườn cây của ông YB Mlô không đảm bảo sẽ ảnh hưởng đến việc trả nợ sản phẩm cho công ty và thực hiện hợp đồng liên kết, nên công ty đã đồng ý cho ông YB Mlô chuyển nhượng hợp đồng liên kết cho các hộ (Ông Y Luôm Êban 14 ha, ông Đinh Công H 14 ha, ông Nguyễn Văn M 18,1 ha) có đủ điều kiện chăm sóc.

Như vậy diện tích 4,1 ha có đơn khởi kiện của các ông bà là do Nông trường Cao su 1/5 (thuộc Công ty cao su Đắc Lắc khai hoang nằm trong diện tích đất 430 ha và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắc Lắc cấp GCNQSD Đất cho Nông trường C là đúng quy định của Luật đất đai.

Về phía các ông bà có đơn khởi kiện nằm trong danh sách 18 hộ dân có đất rẫy xin trồng cao su đề ngày 3/9/1989 và được UBND xã C ký xác nhận ngày 9/9/1989 là giấy tờ không hợp lệ, vì ông Chủ tịch xã C ký nhận ngày 9/9/1989 nhưng lại đóng dấu vào thời điểm từ ngày 06/9/1995 trở về sau. Mặt khác được biết trong danh sách 18 hộ dân buôn B nhưng hầu hết 18 người này đều có quan hệ trong cùng gia đình, dòng họ. Do đó đề nghị Tòa án án bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của các hộ dân; giữ nguyên Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 của UBND tỉnh Đắc Lắc về việc cho Nông trường Cao su C thuê 17.752.447 m² và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 cho Nông trường Cao su C, tỉnh Đắc Lắc.

- Ông Nguyễn Văn M trình bày:

Trong vụ án hành chính mà Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc đang thụ lý giải quyết đối với người khởi kiện là bà H Niê Kđăm và các hộ dân khác tại Buôn B, xã E, huyện C, ông chỉ biết bà DAYun chứ không biết các hộ dân khác.

Về nguồn gốc đất: Do ông nhận chuyển nhượng vườn cây cao su diện tích 18 ha từ bà H Ayun vào ngày 18/5/1995 và ông ký lại hợp đồng kinh tế với Công ty cao su Đắc Lắc vào ngày 08/10/1996, khi nhận chuyển nhượng vườn cây cao su có sự đồng ý của bên chuyển nhượng, chính quyền địa phương và công ty cao su Đắc Lắc.

Trong quá trình canh tác trên thửa đất có vườn cây được chuyển nhượng từ ngày 31/3/1995 đến nay thì không có bất kỳ ai tranh chấp với ông về quyền quản lý và sử dụng đối với 18 ha mà ông đã nhận chuyển nhượng. Tại thời điểm chuyển nhượng, trên đất là toàn bộ cây cao su đã được trồng trên đất ông nhận chuyển nhượng.

Ông không biết diện tích đất nhận chuyển nhượng nằm ở vị trí cụ thể nào, thuộc lô nào trong diện tích đất 17.752.447 m² mà công ty Cao su được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ biết lô đất tại buôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắc Lắc. Việc ông nhận chuyển nhượng đất theo đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Đinh Công H trình bày:

Trong vụ án hành chính mà Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đang thụ lý giải quyết đối với người khởi kiện là bà H Niê Kđăm và các hộ dân khác tại Buôn B, xã E, huyện Cư M gar, ông chỉ biết ông YB Mlô chứ không biết các hộ dân trên.

Về nguồn gốc đất: Do ông nhận chuyển nhượng vườn cây cao su diện tích 14 ha từ ông Y Bil Mlô vào ngày 31/3/1995 và ký lại hợp đồng kinh tế với Công ty cao su Đắk Lắk vào ngày 03/02/1996, khi nhận chuyển nhượng vườn cây cao su có sự đồng ý của bên chuyển nhượng, dòng họ bên chuyển nhượng, chính quyền địa phương và công ty cao su Đắk Lắk.

Trong quá trình canh tác trên thửa đất có vườn cây được chuyển nhượng từ ngày 31/3/1995 đến nay thì không có bất kỳ ai tranh chấp với ông về 14 ha đất trồng cao su mà ông đã nhận chuyển nhượng vườn cây cao su. Ông không biết diện tích đất mà ông nhận chuyển nhượng nằm ở vị trí cụ thể nào, thuộc lô nào trong diện tích đất 17.752.447 m² mà công ty Cao su được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ biết lô đất tại buôn B, xã E, huyện C. Việc tôi nhận chuyển nhượng vườn cây cao su theo đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2022/HC-ST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 165 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào: Điều 49, khoản 1 Điều 52 luật Đất đai năm 2003; Điều 137 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai. Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà H Niê Kđăm, ông C Ayun, bà M Niê, ông Đ Byă, bà B Niê, bà L Byă và ông K Mlô (đã chết), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K Mlô là bà I Ayũn về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 cho Nông trường Cao su Cư Mgar thuê 17.752.447 m² đất, tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà HB Niê (đã chết), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H Ben Niê là ông B Kման và bà E Niê về việc yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số AH 434861 cho Nông trường Cao su C thuê 17.752.447 m² đất, tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H' Ben Niê không được quyền khởi kiện lại vụ án.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

3.1- Bà H Niê Kđăm phải chịu 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm mười ngàn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Được khấu trừ trong số tiền tạm ứng mà bà H Niê Kđăm đã nộp tại Tòa án.

3.2- Ông C Ayun phải chịu 1.850.000 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Được khấu trừ trong số tiền tạm ứng mà ông C Ayun đã nộp tại Tòa án.

3.3- Bà M Niê phải chịu 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm ngàn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Được khấu trừ trong số tiền tạm ứng mà bà M Niê đã nộp tại Tòa án.

3.4- Ông Đ Byă phải chịu 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm ngàn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Được khấu trừ trong số tiền tạm ứng mà ông Đ Byă đã nộp tại Tòa án.

3.5- Bà I Ayũn phải chịu 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Được khấu trừ trong số tiền tạm ứng mà Bà I Ayũn đã nộp tại Tòa án.

3.6- Bà B Niê phải chịu 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Được khấu trừ trong số tiền tạm ứng mà bà B Niê đã nộp tại Tòa án.

3.7- Bà H' Lăk Byă phải chịu 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm mười ngàn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Được khấu trừ trong số tiền tạm ứng mà bà H' Lăk Byă đã nộp tại Tòa án.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/8/2022, những người khởi kiện gồm bà H Niê Kđăm, ông C Ayun, bà M Niê, ông Đ Byă, bà B Niê, bà L Byă và ông K Mlô (đã chết), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K Mlô là bà I Ayũn có đơn kháng cáo đề nghị cấp PC thẩm sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông bà.

Tại phiên tòa:

- Đại diện ủy quyền và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

+ Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các ông bà: Bà H Niê Kđăm, ông C Ayun, bà M Niê, ông Đ Byă, bà B Niê, bà L Byă và bà I Ayũn; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo của bà H Niê Kđăm, ông C Ayun, bà M Niê, ông Đ Byă, bà B Niê, bà L Byă và bà I Ayũn; nhận thấy:

[1.1]. Những người khởi kiện cho rằng, trong tổng diện tích 17.752.447m² UBND tỉnh Đắk Lắk đã cấp GCNQSD đất cho Nông trường cao su C theo Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 có khoảng 16 ha đất các hộ (Trong đó hộ bà H Niê Kđăm có 04 ha, hộ ông C Ayun có 03 ha, hộ bà H Mun Niê có 02 ha, hộ ông Đ Byă có 02 ha, hộ bà B Niê có 1 ha, hộ ông K Mlô (đã chết), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K Mlô là bà I Ayũn có 02 ha, bà H Lăk Byă là 04 ha) đã đưa vào liên kết trồng cao su với Công ty cao su Đắk Lắk, có nguồn gốc do ông bà, bố mẹ đã khai hoang trước năm 1989 để làm nương rẫy. Tuy nhiên những người khởi kiện không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh về việc khai hoang và có đăng ký, kê khai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

[1.2]. Đối với danh sách 18 hộ dân có đất rẫy xin trồng cao su có xác nhận của UBND xã C (tài liệu được gửi kèm hồ sơ xin vay vốn của ông YB Mlô trước đây) thể hiện phần đất nhận chuyển nhượng của ông YB Mlô là đất của người dân khai phá trước đây để đưa vào liên kết với Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk để trồng cao su. Tuy nhiên theo kết luận giám định số 18/PC45 ngày 01/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk thì con dấu đóng trên bảng danh sách này đến năm 1995 UBND xã C mới sử dụng; trong khi bản danh sách 18 hộ dân được lập từ năm 1989. Do đó, danh sách các hộ dân (18 hộ) trong đó có những người khởi kiện có đất rẫy xin trồng cao su tại Buôn B, xã E do UBND xã C xác nhận ngày 09/9/1989 là không đủ cơ sở để chứng minh rằng là có diện tích đất khai hoang trước năm 1975 đã đưa đất vào liên kết trồng cao su với Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk (Nay là Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk).

[1.3]. Theo Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 18/8/1986 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giao cho Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk chịu trách nhiệm tổ chức trồng 10.000 ha cao su. Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk đã ký hợp đồng với xí nghiệp thi công cơ giới nông nghiệp để khai phục hoang 430 ha đất tại Nông trường cao su 1/5 (nay là Nông trường cao su C). Sau khi khai phục hoang xong, Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk đã ký hợp đồng kinh tế

dài hạn số 10542/HĐ-KT ngày 16/12/1989 về trồng mới và chăm sóc cao su thiên nhiên với các thành phần kinh tế.

Ngày 01/8/1989, ông YBin Mlô đại diện các hộ dân có đơn xin hợp đồng đất trồng Cà phê với diện tích 80 ha của Nông trường. Ngày 20/3/1990 Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk ban hành Quyết định số 01/90-QĐLH về việc giao 100,7 ha đất đã khai hoang năm 1990 thuộc lô 1, 4, 5, 13, 14 của Nông trường cao su C cho ông YB Mlô để trồng liên kết cao su. Đến ngày 01/7/1992 Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk ký lại hợp đồng kinh tế số 105/92/HĐ-ĐTVV về vay vốn dài hạn trồng mới và chăm sóc cao su thiên nhiên với hộ ông YB Mlô diện tích 17.752.447 m² nằm trong diện tích đất 430 ha mà Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk đã khai hoang phục hóa để thực hiện dự án theo hiệp định hợp tác với Cộng Hòa dân chủ Đức (theo Quyết định số 84/CT ngày 25/3/1998 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao UBND tỉnh Đắk Lắk trực tiếp nhận vốn vay và thực hiện dự án). Như vậy, căn cứ nguồn gốc, diễn biến quá trình sử dụng đất từ trước đến nay, việc UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 về việc cho Nông trường cao su C thuê 17.752.447m² đất để trồng cây lâu năm và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nông trường cao su C đối với diện tích đất nêu trên là có nguồn gốc do Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk khai hoang phục hóa.

Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H Niê Kđăm, ông C Ayun, bà M Niê, ông Đ Byă, bà B Niê, bà L Byă, ông K Mlô (đã chết), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K Mlô là bà I Ayũn là có căn cứ. Bà H Niê Kđăm, ông C Ayun, bà M Niê, ông Đ Byă, bà B Niê, bà L Byă và bà I Ayũn kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có cứ chấp nhận; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí Pc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà H Niê Kđăm, ông Đ Byă, bà I Ayũn phải chịu án phí hành chính Pc thẩm. Miễn án phí Pc thẩm cho ông C Ayun, bà M Niê, bà B Niê, bà L Byă, vì là người cao tuổi.

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của bà H Niê Kđăm, ông C Ayun, bà M Niê, ông Đ Byă, bà B Niê, bà L Byă và bà I Ayũn; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 165 Luật Tố tụng hành chính; Điều 49, khoản 1 Điều 52 luật Đất đai năm 2003; Điều 137 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà H Niê Kđăm, ông C Ayun, bà M Niê, ông Đ Byă, bà B Niê, bà L Byă và ông K Mlô (đã chết), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K Mlô là bà I Ayũn về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 cho Nông trường Cao su Cư Mgar thuê 17.752.447 m² đất, tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2022/HC-ST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

3. Về án phí Pc thẩm:

- Bà H Niê Kđăm, ông Đ Byă, bà I Ayũn phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính Pc thẩm. Đã nộp đủ tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0021872, 0021873 và 0021874 ngày 31/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (do bà Hà Thị Mỹ Duyên nộp thay).

- Miễn án phí Pc thẩm cho ông C Ayun, bà M Niê, bà B Niê, bà L Byă, vì là người cao tuổi.

Bản án Pc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra III – TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk (để biết);
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào